

Le sport en chinois

Les sports d'été en chinois

tennis	网球 (wǎng qiú)
badminton	羽毛球 (yǔ máo qiú)
golf	高尔夫 (gāo ěr fū)
cyclisme	自行车 (zì xíng chē)
tennis de table	乒乓球 (pīng pāng qiú)
triathlon	三项全能 (sān xiàng quán néng)
lutte	摔跤 (shuāi jiāo)
judo	柔道 (róu dào)
escrime	击剑 (jī jiàn)
tir à l'arc	射箭 (shè jiàn)
boxe	拳击 (quán jī)
gymnastique	体操 (tǐ cāo)
haltérophilie	举重 (jǔ zhòng)



www.flashcardo.com/fr/fiches-de-revision-en-chinois/

Les sports d'hiver en chinois

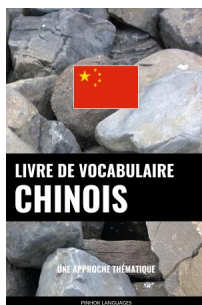
ski	滑雪 (huá xuě)
snowboard	单板滑雪 (dān bǎn huá xuě)
patinage sur glace	溜冰 (liū bīng)
hockey sur glace	冰球 (bīng qiú)
biathlon	冬季两项 (dōng jì liǎng xiàng)
luge	无舵雪橇 (wú duò xuě qiāo)



www.pinhok.com/fr/apprendre-chinois/

Les sports nautiques en chinois

natation	游泳 (yóu yǒng)
water-polo	水球 (shuǐ qiú)
surf	冲浪 (chōng làng)
aviron	赛艇 (sài tǐng)
planche à voile	滑浪风帆 (huá làng fēng fān)
voile	航行 (háng xíng)



www.pinhok.com/fr/apprendre-chinois/

Les sports collectifs en chinois

football	足球 (zú qiú)
basketball	籃球 (lán qiú)
volleyball	排球 (pái qiú)
cricket	板球 (bǎn qiú)
baseball	棒球 (bàng qiú)
rugby	橄欖球 (gǎn lǎn qiú)
handball	手球 (shǒu qiú)
hockey sur gazon	曲棍球 (qū gùn qiú)
beach-volley	沙灘排球 (shā tān pái qiú)
football australien	澳式足球 (ào shì zú qiú)
football américain	美式足球 (měi shì zú qiú)